

Lời Nói Đầu

Ngày nay cuộc sống của người dân ngày càng được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người đã tăng một cách đáng kể, nhu cầu giải trí của mọi người cũng từ đó ngày càng trở thành nhu cầu thiết yếu đối với cuộc sống. Xuất phát từ nhu cầu thực tế đó, công ty dịch vụ lữ hành **T & H** xuất hiện để đáp ứng lại sự kỳ vọng trên của nhiều người. Nhưng việc quản lý thủ công các công việc đã trở nên lỗi thời và lạc hậu. Bên cạnh đó, công nghệ thông tin ngày càng phát triển mạnh mẽ và có tác động lớn đến hầu hết các lĩnh vực trong cuộc sống. Để giúp cho việc quản lý và tổ chức các tour du lịch được dễ dàng và thuận tiện, chúng tôi đã mạnh dạn thực hiện đồ án môn học “Phân tích thiết kế hệ thống thông tin” về đề tài “Quản lý tour du lịch trong nước”.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn thầy Nguyễn Gia Tuấn Anh đã nhiệt tình giúp đỡ và cho ý kiến về đề tài của chúng tôi để chúng tôi có thể hoàn thành đồ án một cách tốt nhất. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng không thể nào tránh khỏi những sai sót trong việc hoàn thành đề tài, chúng tôi mong thầy thông cảm và góp ý thêm để chúng tôi có thể làm hoàn thiện hơn nữa.

Xin chân thành cảm ơn thầy.

MỤC LỤC :

LỜI NÓI ĐẦU.....	1
MỤC LỤC.....	2
I. Mục tiêu và phạm vi đề tài.....	3
II. Phân tích yêu cầu đề bài.....	3
1. Yêu cầu chức năng.....	3
2. Yêu cầu về giao diện.....	4
III.Phân tích hệ thống.....	4
1. Mô hình thực thể ERD.....	4
a. Xác định các loại thực thể.....	4
b. Mô hình ERD.....	7
2. Chuyển mô hình ERD thành mô hình quan hệ.....	8
3. Mô tả chi tiết cho các quan hệ	8
4. Mô tả bảng tổng kết	14
a. Tổng kết quan hệ.....	14
b. Tổng kết thuộc tính.....	15
IV. Thiết kế giao diện.....	16
1. Các menu chính của giao diện.....	16
2.Mô tả form.....	20
V. Thiết kế ô xử lý.....	37
VI. Đánh giá ưu khuyết điểm.....	46
VII. Phân công	46

I. Mục tiêu và phạm vi đề tài :

1.1 Mục tiêu :

Phân tích thiết kế hệ thống thực hiện việc quản lý Tour du lịch trong nước nhằm giúp cho việc : tổ chức Tour , quản lý Tour , cũng như việc quản lý một số vấn đề liên quan như khách hàng, nhân viên , phương tiện , ... được tốt hơn , đảm bảo tính chính xác nhanh chóng và tiện lợi .

1.2 Phạm vi :

Giới hạn trong kiến thức môn học : phân tích thiết kế hệ thống thông tin , áp dụng cho các mục tiêu đã đề ra bên trên . Đề tài chỉ quan tâm đến việc quản lý thông tin : Tour , nhân viên , địa điểm du lịch , các loại phương tiện và quản lý thông tin khách hàng không chú trọng đến việc tính toán các khoản thu - chi, báo cáo doanh thu và thuế .

1.3 Khảo sát :

Công ty sẽ gồm nhiều đại lý ở các tỉnh, trong số đó có một đại lý là trụ sở chính . Mỗi đại lý sẽ có một nhân viên quản lý . Các đại lý sẽ thực hiện thống nhất việc tổ chức , quản lý và bán vé các Tour du lịch .

Lịch trình Tour mở ra được vạch sẵn cho khách hàng bao gồm : khách sạn , phương tiện phục vụ , địa điểm tham quan trong suốt Tour và các loại hình dịch vụ phát sinh khác trong Tour

Các hoạt động chính của các đại lý bao gồm :

Nhân viên văn phòng tại chỗ chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và bán vé các Tour du lịch cho khách hàng.

Điều phối nhân viên phụ trách tour du lịch bao gồm : hướng dẫn viên du lịch và tài xế phương tiện phục vụ cho tour.

Khách hàng sẽ đến xem thông tin Tour , chọn Tour và mua vé trực tiếp thông qua các đại lý của công ty .

II. Phân tích yêu cầu đề tài :

1. Yêu cầu chức năng :

a. Quản lý hệ thống :

- Mỗi người dùng sẽ có một tài khoản sử dụng (gồm Username và password) để đăng nhập tùy theo chức vụ và quyền hạn.

- Thoát khỏi chương trình .

b. Quản lý danh mục :

- Quản lý Tour :

+ Tìm kiếm Tour .

+ Xem thông tin Tour.

Quản lý tour du lịch trong nước

- + Thêm Tour mới , sửa thông tin Tour và xóa thông tin Tour .
 - Quản lý khách hàng :
 - + Quản lý thông tin khách hàng .
 - + Thêm mới khách hàng , sửa thông tin khách hàng và xóa khách hàng khỏi cơ sở dữ liệu .
 - Quản lý nhân viên :
 - + Xem thông tin nhân viên .
 - + Thêm mới nhân viên , sửa thông tin nhân viên và xóa thông tin nhân viên khỏi cơ sở dữ liệu .
 - Quản lý đại lý :
 - + Tìm kiếm đại lý .
 - + Xem thông tin đại lý .
 - + Thêm mới đại lý , sửa thông tin đại lý , xóa thông tin đại lý .
 - Quản lý địa điểm tham quan :
 - + Tìm kiếm địa điểm .
 - + Xem thông tin địa điểm .
 - + Thêm địa điểm mới , sửa đổi thông tin địa điểm , xóa địa điểm .
 - Quản lý phương tiện :
 - + Xem thông tin phương tiện .
 - + Thêm mới phương tiện .
 - + Xóa thông tin phương tiện .
 - Quản lý trợ giúp :
 - + Trợ giúp theo chủ đề .
 - + Thông tin về phần mềm .
- c . Quản lý dữ liệu :
- + Hệ thống sao lưu phục hồi dữ liệu .
2. Yêu cầu về giao diện :
- Chương trình phải có giao diện đơn giản , thân thiện , dễ sử dụng .

III. Phân tích hệ thống :

1 . Mô hình thực thể ERD :

a. Xác định các thực thể:

1) Thực thể thứ 1 : TOUR

Mỗi thực thể tượng trưng cho một Tour du lịch.

Các thuộc tính :

+ Mã số Tour (**MSTOUR**) : đây là thuộc tính khóa , nhờ nó mà ta phân biệt được Tour này với Tour khác .

+ Tên Tour (**TENTOUR**) : đây là thuộc tính cho biết tên Tour tương ứng với mã Tour.

+ Ngày Bắt Đầu (**NGAYBD**) : cho biết ngày khởi hành Tour

+ Ngày Kết Thúc (**NGAYKT**) : cho biết ngày về.

Quản lý tour du lịch trong nước

+ Giá Tiền (GIA) : cho biết giá tiền của Tour.

2) Thực thể thứ 2 : DAILY

Mỗi thực thể tương trưng cho một Đại lý

+ Mã số đại lý (MSDL) : đây là thuộc tính khóa, để phân biệt các đại lý với nhau

+ Tên đại lý (TENDL) : mô tả tên đại lý

+ Mã nhân viên quản lý (MANVQL) : cho biết mã số nhân viên quản lý đại lý

+ Địa chỉ (DIACHI) : cho biết địa chỉ của đại lý

+ Số điện thoại (SDT) : số điện thoại của đại lý

3) Thực thể thứ 3 : VE

Mỗi thực thể tương trưng cho một vé

+ Mã số vé (MSVE) : đây là thuộc tính khóa chính cho biết mã số của vé, phân biệt các vé với nhau.

+ Mã số Tour (MSTOUR) : đây là thuộc tính khóa ngoại cho biết vé này thuộc Tour nào.

+ Mã số Đại lý (MSDL) : đây là thuộc tính khóa ngoại cho biết vé này do Đại lý nào bán.

4) Thực thể thứ 4 : NHANVIEN

Mỗi thực thể tương trưng cho một nhân viên

+ Mã số nhân viên (MSNV) : đây là thuộc tính khóa chính cho biết mã số nhân viên.

+ Tên nhân viên (TENNV) : cho biết tên nhân viên.

+ Ngày sinh (NGAYSINH) : cho biết ngày sinh của nhân viên.

+ Giới tính (GIOITINH) : cho biết giới tính của nhân viên.

+ Địa chỉ (DIACHI) : cho biết địa chỉ của nhân viên.

+ Số điện thoại (SDT) : cho biết số điện thoại liên lạc với nhân viên.

5) Thực thể thứ 5 : CHUCVU

Mỗi thực thể tương trưng cho chức vụ

+ Mã chức vụ (MSCV) : đây là thuộc tính khóa chính cho biết mã số chức vụ của nhân viên.

+ Tên chức vụ (TENCV) : cho biết tên của chức vụ.

6) Thực thể thứ 6 : KHACHHANG

Quản lý tour du lịch trong nước

Mỗi thực thể tương trưng cho khách hàng

- + Mã số khách hàng (MSKH) : đây là thuộc tính khóa chính cho biết mã số của khách hàng.
- + Tên khách hàng (TENKH) : cho biết tên của khách hàng.
- + Giới tính (GIOITINH) : cho biết giới tính của khách hàng.
- + Chứng minh nhân dân (CMND) : cho biết số chứng minh nhân dân của khách hàng.
- + Địa chỉ (DIACHI) : cho biết địa chỉ nơi sinh sống của khách hàng.
- + Số điện thoại (SDT) : cho biết số điện thoại của khách hàng.

7) Thực thể thứ 7 : QUOCTICH

Mỗi thực thể tương trưng cho quốc tịch

- + Mã Quốc gia (MAQG) : đây là thuộc tính khóa chính cho biết mã quốc gia
- + Tên Quốc gia (TENQG) : cho biết tên quốc gia.

8) Thực thể thứ 8 : DD_THAMQUAN

Mỗi thực thể tương trưng cho địa điểm tham quan

- + Mã địa điểm tham quan (MSDD) : đây là thuộc tính khóa chính cho biết địa điểm tham quan.
- + Tên địa điểm tham quan (TENDD) : cho biết tên của địa điểm tham quan.
- + Địa chỉ (DIACHI) : cho biết địa chỉ của địa điểm tham quan.

9) Thực thể thứ 9 : TINH

Mỗi thực thể tương trưng cho một Tỉnh.

- + Mã số tỉnh (MST) : đây là thuộc tính khóa chính cho biết mã số tỉnh.
- + Tên tỉnh (TENTINH) : cho biết tên của tỉnh.

10) Thực thể thứ 10 : KHACHSAN

Mỗi thực thể tương trưng cho một Khách sạn.

- + Mã số khách sạn (MSKS) : đây là thuộc tính khóa chính cho biết mã số của khách sạn .
- + Tên khách sạn (TENKS) : cho biết tên của khách sạn .
- + Địa chỉ (DIACHI) : cho biết địa chỉ của khách sạn.
- + Số điện thoại (SDT) : cho biết số điện thoại của khách sạn.

11) Thực thể thứ 11 : PHUONGTIEN

Quản lý tour du lịch trong nước

Mỗi thực thể tương trưng cho một phương tiện.

+ Mã số phương tiện (MSPT) : đây là thuộc tính khóa chính cho biết mã số của phương tiện.

+ Tên phương tiện (TENPT) : cho biết tên phương tiện.

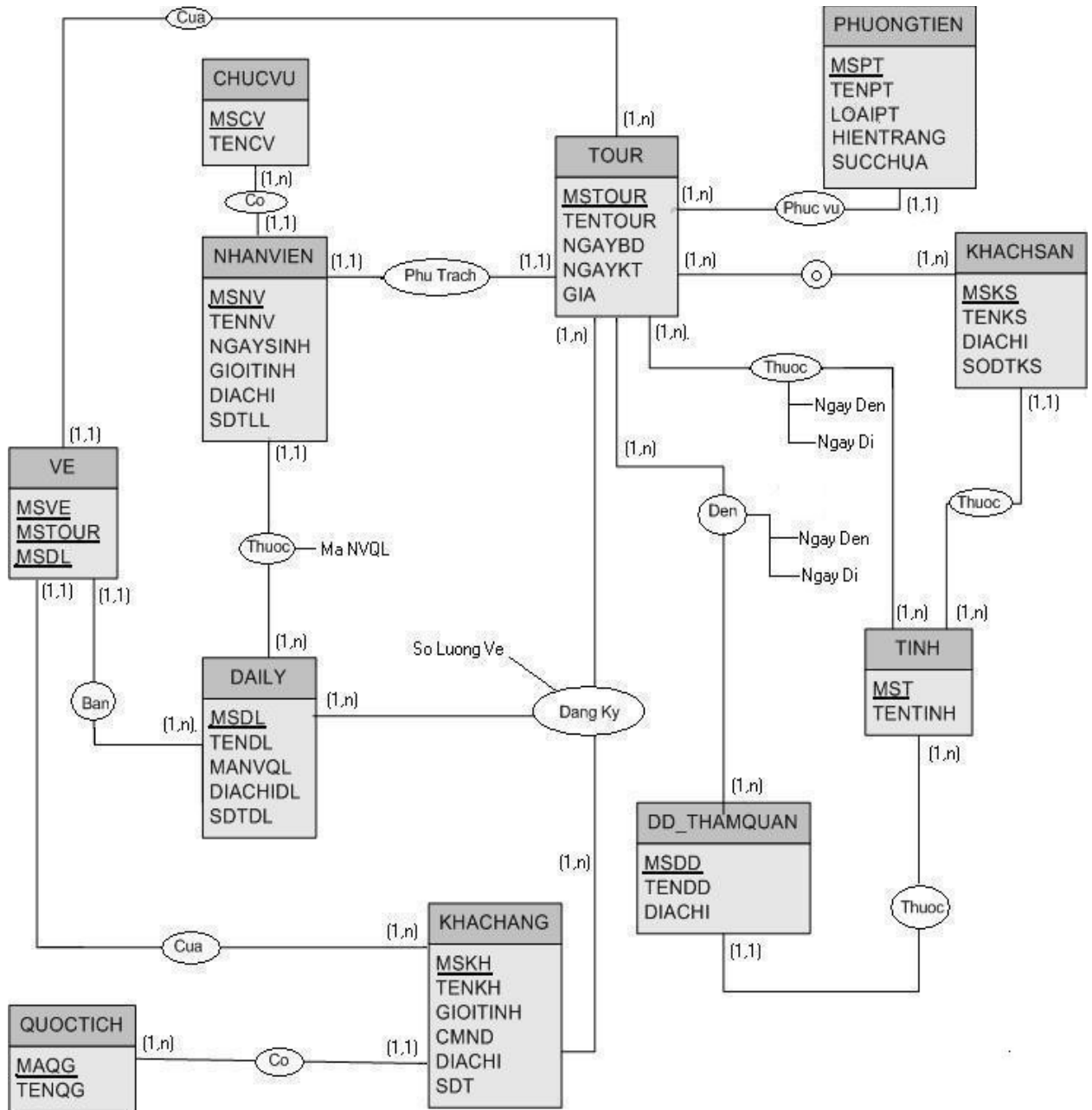
+ Loại phương tiện (LOAIPT) : cho biết loại phương tiện.

+ Hiện trạng (HIENTRANG) : cho biết tình trạng hiện tại của phương tiện đang sử dụng hay đang sửa chữa.

+ Sức chứa (SUCCHUA) : cho biết sức chứa tối đa của phương tiện.

b . Mô hình ERD:

Quản lý tour du lịch trong nước



2. Chuyển mô hình ERD thành mô hình quan hệ :

TOUR(MSTOUR,TENTOUR,NGAYBD,NGAYKT,GIA)
 DAILY(MSDL,TENDL,MANVQL,DIACHI,SDT)
 VE(MSVE,MSTOUR,MSDL)
 NHANVIEN(MSNV,TENNV,NGAYSINH,GIOITINH,DIACHI,SDT)
 CHUCVU(MSCV,TENCV)
 KHACHHANG(MSKH,TENKH,GIOITINH,CMND,DIACHI,SDT)
 QUOCTICH(MAQG,TENQG)
 DD_THAMQUAN(MSDD,TENDDD,DIACHI)
 TINH(MST,TENTINH)
 KHACHSAN(MSKS,TENKS,DIACHI,SDT)
 PHUONGTIEN(MSPT,TENPT,LOAIPT,HIENTRANG,SUCCHUA)

3. Mô tả chi tiết cho các quan hệ :

3.1 Quan hệ Tour :

TOUR(MSTOUR,TENTOUR,NGAYBD,NGAYKT,GIA)

Tên quan hệ :TOUR							
Ngày :							
STT	Thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Số Byte	MGT	Loại DL	Ràng Buộc
1	MSTOUR	Mã số Tour	C	10		B	PK
2	TENTOUR	Tên Tour	C	20		B	
3	NGAYBD	Ngày bắt đầu	N	4		B	
4	NGAYKT	Ngày kết thúc	N	4		B	
5	GIA	Giá vé	S	4		B	
				42			

Khối lượng :

- Số dòng tối thiểu : 10
- Số dòng tối đa : 100
- Kích thước tối thiểu : 10 x 42 (byte) = 420 (byte)
- Kích thước tối đa : 100 x 42 (byte) = 4200 (byte)

3.2 Quan hệ đại lý :

DAILY(MSDL,TENDL,MANVQL,DIACHI,SDT)

Tên quan hệ :DAILY							
Ngày :							
STT	Thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Số Byte	MGT	Loại DL	Ràng Buộc
1	MSDL	Mã số đại lý	C	10		B	PK
2	TENDL	Tên đại lý	C	20		B	
3	MNVQL	Mã số nhân viên quản lý	C	10		B	
4	DIACHI	Địa chỉ đại lý	C	30		K	
5	SDT	Số điện thoại	S	4		B	
				74			

Khối lượng :

- Số dòng tối thiểu : 10
- Số dòng tối đa : 64
- Kích thước tối thiểu : 10 x 74 (byte) = 740 (byte)
- Kích thước tối đa : 64 x 74 (byte) = 4736 (byte)

3.3 Quan hệ Vé :

VE(MSVE,MSTOUR,MSDL)

Tên quan hệ : VE							
Ngày :							
STT	Thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Số Byte	MGT	Loại DL	Ràng Buộc
1	MSVE	Mã số vé	C	10		B	PK
2	MSTOUR	Mã số Tour	C	10		B	FK(TOUR)
3	MSDL	Mã số đại lý	C	10		B	FK(DAILY)
				30			

Khối lượng :

- Số dòng tối thiểu : 100
- Số dòng tối đa : 1000
- Kích thước tối thiểu : 100 x 30 (byte) = 3000 (byte)
- Kích thước tối đa : 1000 x 30 (byte) = 30000 (byte)

3.4 Quan hệ Nhân viên:

NHANVIEN(MSNV,TENNV,NGAYSINH,GIOITINH,DIACHI,SDT)

Tên quan hệ : NHANVIEN							
Ngày :							
STT	Thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Số Byte	MGT	Loại DL	Ràng Buộc
1	MSNV	Mã số nhân viên	C	10		B	PK
2	TENNV	Tên nhân viên	C	20		B	
3	NGAYSINH	Ngày sinh	N	4		B	
4	GIOITINH	Giới tính	C	5		B	
5	DIACHI	Địa chỉ	C	30		B	
6	SDT	Số điện thoại	S	4		K	
				73			

Khối lượng :

- Số dòng tối thiểu : 100
- Số dòng tối đa : 400
- Kích thước tối thiểu : 100 x 73 (byte) = 7300 (byte)
- Kích thước tối đa : 400 x 73 (byte) = 29200 (byte)

3.5 Quan hệ Chức vụ:

CHUCVU(MSCV,TENCV)

Tên quan hệ : CHUCVU							
Ngày :							
STT	Thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Số Byte	MGT	Loại DL	Ràng Buộc
1	MSCV	Mã số chức vụ	C	10		B	PK
2	TENCV	Tên chức vụ	C	30		B	
				40			

Quản lý tour du lịch trong nước

Khối lượng :

- Số dòng tối thiểu : 10
- Số dòng tối đa : 20
- Kích thước tối thiểu : 10 x 40 (byte) = 400 (byte)
- Kích thước tối đa : 20 x 40 (byte) = 800 (byte)

3.6 Quan hệ Khách Hàng:

KHACHHANG(MSKH,TENKH,GIOITINH,CMND,DIACHI,SDT)

Tên quan hệ : KHACHHANG							
Ngày :							
STT	Thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Số Byte	MGT	Loại DL	Ràng Buộc
1	MSKH	Mã số khách hàng	C	10		B	PK
2	TENKH	Tên khách hàng	C	30		B	
3	GIOITINH	Giới tính	C	5		B	
4	CMND	Số chứng minh nhân dân	S	10		B	
5	DIACHI	Địa chỉ	C	30		B	
6	SDT	Số điện thoại	S	10		K	
				95			

Khối lượng :

- Số dòng tối thiểu : 100
- Số dòng tối đa : 1000
- Kích thước tối thiểu : 100 x 95 (byte) = 9500 (byte)
- Kích thước tối đa : 1000 x 95 (byte) = 95000 (byte)

3.7 Quan hệ Quốc tịch:

QUOCTICH(MAQG,TENQG)

Tên quan hệ : QUOCTICH

Quản lý tour du lịch trong nước

Ngày :							
STT	Thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Số Byte	MGT	Loại DL	Ràng Buộc
1	MAQG	Mã quốc gia	C	10		B	PK
2	TENQG	Tên quốc gia	C	30		B	
				40			

Khối lượng :

- Số dòng tối thiểu : 3
- Số dòng tối đa : 200
- Kích thước tối thiểu : 3 x 40 (byte) = 120 (byte)
- Kích thước tối đa : 200 x 40 (byte) = 8000 (byte)

3.8 Quan hệ Địa điểm tham quan:

DD_THAMQUAN(MSDD,TENDD,DIACHI)

Tên quan hệ : DD_THAMQUAN							
Ngày :							
STT	Thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Số Byte	MGT	Loại DL	Ràng Buộc
1	MSDD	Mã số địa điểm tham quan	C	10		B	PK
2	TENDD	Tên địa điểm tham quan	C	40		B	
3	DIACHI	Địa chỉ	C	30		B	
				80			

Khối lượng :

- Số dòng tối thiểu : 64
- Số dòng tối đa : 200
- Kích thước tối thiểu : 64 x 80 (byte) = 5120 (byte)
- Kích thước tối đa : 200 x 80 (byte) = 16000 (byte)

3.9 Quan hệ Tỉnh:

TINH(MST,TENTINH)

Tên quan hệ : TINH							
--------------------	--	--	--	--	--	--	--

Quản lý tour du lịch trong nước

Ngày :							
STT	Thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Số Byte	MGT	Loại DL	Ràng Buộc
1	MST	Mã số tỉnh	C	10		B	PK
2	TENTINH	Tên tỉnh	C	30		B	
				40			

Khối lượng :

- Số dòng tối thiểu : 10
- Số dòng tối đa : 64
- Kích thước tối thiểu : 10 x 40 (byte) = 400 (byte)
- Kích thước tối đa : 64 x 40 (byte) = 2560 (byte)

3.10 Quan hệ Khách sạn:

KHACHSAN(MSKS,TENKS,DIACHI,SDT)

Tên quan hệ : KHACHSAN							
Ngày :							
ST T	Thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Số Byte	MGT	Loại DL	Ràng Buộc
1	MSKS	Mã số khách sạn	C	10		B	PK
2	TENKS	Tên khách sạn	C	30		B	
3	DIACHI	Địa chỉ	C	30		B	
4	SDT	Số điện thoại	S	4		B	
				74			

Khối lượng :

- Số dòng tối thiểu : 10
- Số dòng tối đa : 200
- Kích thước tối thiểu : 10 x 74 (byte) = 740 (byte)

Quản lý tour du lịch trong nước

- Kích thước tối đa : 200 x 74 (byte) = 14800 (byte)

3.11 Quan hệ Phương tiện:

PHUONGTIEN(MSPT,TENPT,LOAIPT,HIENTRANG,SUCCHUA)

Tên quan hệ : PHUONGTIEN							
Ngày :							
STT	Thuộc tính	Diễn giải	Kiểu DL	Số Byte	MGT	Loại DL	Ràng Buộc
1	MSPT	Mã số phương tiện	C	10		B	PK
2	TENPT	Tên phương tiện	C	20		B	
3	LOAIPT	Loại phương tiện	C	10		B	
4	HIENTRANG	Hiện trạng	C	10		B	
5	SUCCHUA	Sức chứa	S	4		B	
				54			

Khối lượng :

- Số dòng tối thiểu : 100
- Số dòng tối đa : 1000
- Kích thước tối thiểu : 100 x 54 (byte) = 5400 (byte)
- Kích thước tối đa : 1000 x 54 (byte) = 54000 (byte)

4. Mô tả bảng tổng kết :

a. Tổng kết danh sách các quan hệ :

STT	Tên quan hệ	Số byte	Kích thước tối đa
1	TOUR	42	4200
2	DAILY	74	4736
3	VE	30	30000
4	NHANVIEN	73	29200
5	CHUCVU	40	800
6	KHACHHANG	95	95000
7	QUOCTICH	40	8000
8	DD_THAMQUAN	80	16000
9	TINH	40	2560
10	KHACHSAN	74	14800
11	PHUONGTIEN	54	54000

Quản lý tour du lịch trong nước

Tổng số	642	259296
----------------	------------	---------------

b. Tổng kết danh sách thuộc tính :

STT	Ten Thuộc Tính	Diễn Giải	Tên Quan hệ
1	CMND	Chứng minh nhân dân	KHACHHANG
2	DIACHI	Địa chỉ	DAILY
3	DIACHI	Địa chỉ	DD_THAMQUAN
4	DIACHI	Địa chỉ	KHACHHANG
5	DIACHI	Địa chỉ	KHACHSAN
6	DIACHI	Địa chỉ	NHANVIEN

Quản lý tour du lịch trong nước

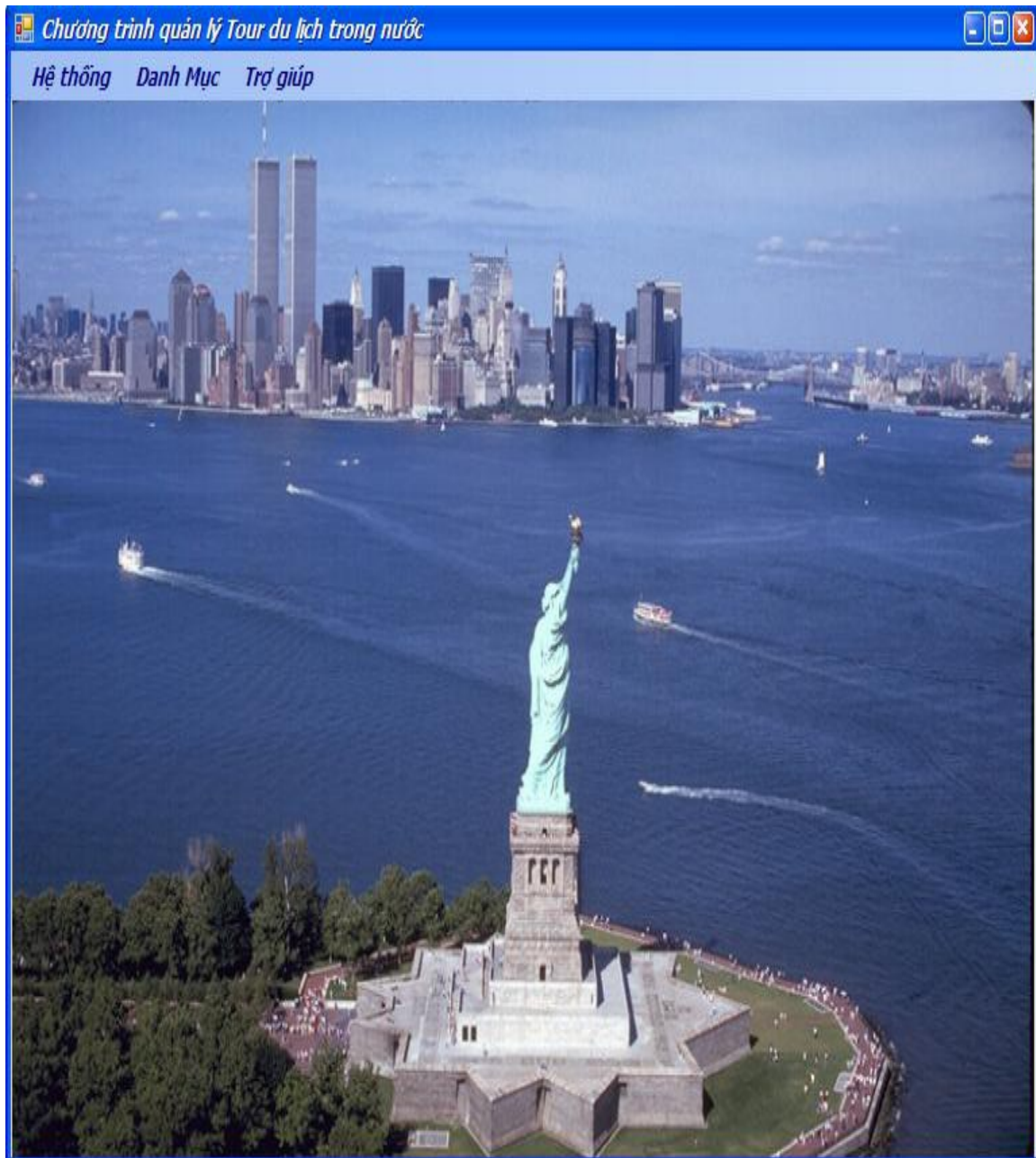
7	GIA	Giá	TOUR
8	GIOITINH	Giới tính	KHACHHANG
9	GIOITINH	Giới tính	NHANVIEN
10	HIENTRANG	Hiện trạng	PHUONGTIEN
11	LOAIPT	Loại phương tiện	PHUONGTIEN
12	MANVQL	Mã số nhân viên quản lý	DAILY
13	MAQG	Mã quốc gia	QUOCTICH
14	MSCV	Mã số chức vụ	CHUCVU
15	MSDD	Mã số địa điểm	DD_THAMQUAN
16	MSDL	Mã số đại lý	DAILY
17	MSKH	Mã số khách hàng	KHACHHANG
18	MSKS	Mã số khách sạn	KHACHSAN
19	MSNV	Mã số nhân viên	NHANVIEN
20	MSPT	Mã số phương tiện	PHUONGTIEN
21	MST	Mã số tỉnh	TINH
22	MSVE	Mã số vé	VE
23	MSTOUR	Mã số Tour	TOUR
24	NGAYBD	Ngày Bắt đầu	TOUR
25	NGAYKT	Ngày Kết thúc	TOUR
26	NGAYSINH	Ngày sinh	NHANVIEN
27	SDT	Số điện thoại	DAILY
28	SDT	Số điện thoại	KHACHHANG
29	SDT	Số điện thoại	KHACHSAN
30	SDT	Số điện thoại	NHANVIEN
31	SUCCHUA	Sức chứa	PHUONGTIEN
32	TENCV	Tên chức vụ	CHUCVU
33	TENDD	Tên địa điểm	DD_THAMQUAN
34	TENDL	Tên đại lý	DAILY
35	TENKH	Tên khách hàng	KHACHHANG
36	TENKS	Tên khách sạn	KHACHSAN
37	TENNV	Tên nhân viên	NHANVIEN
38	TENPT	Tên phương tiện	PHUONGTIEN
39	TENQG	Tên quốc gia	QUOCTICH
40	TENTINH	Tên tỉnh	TINH
41	TENTOUR	Tên tour	TOUR

IV. Thiết kế giao diện :

1. Các menu chính của giao diện :

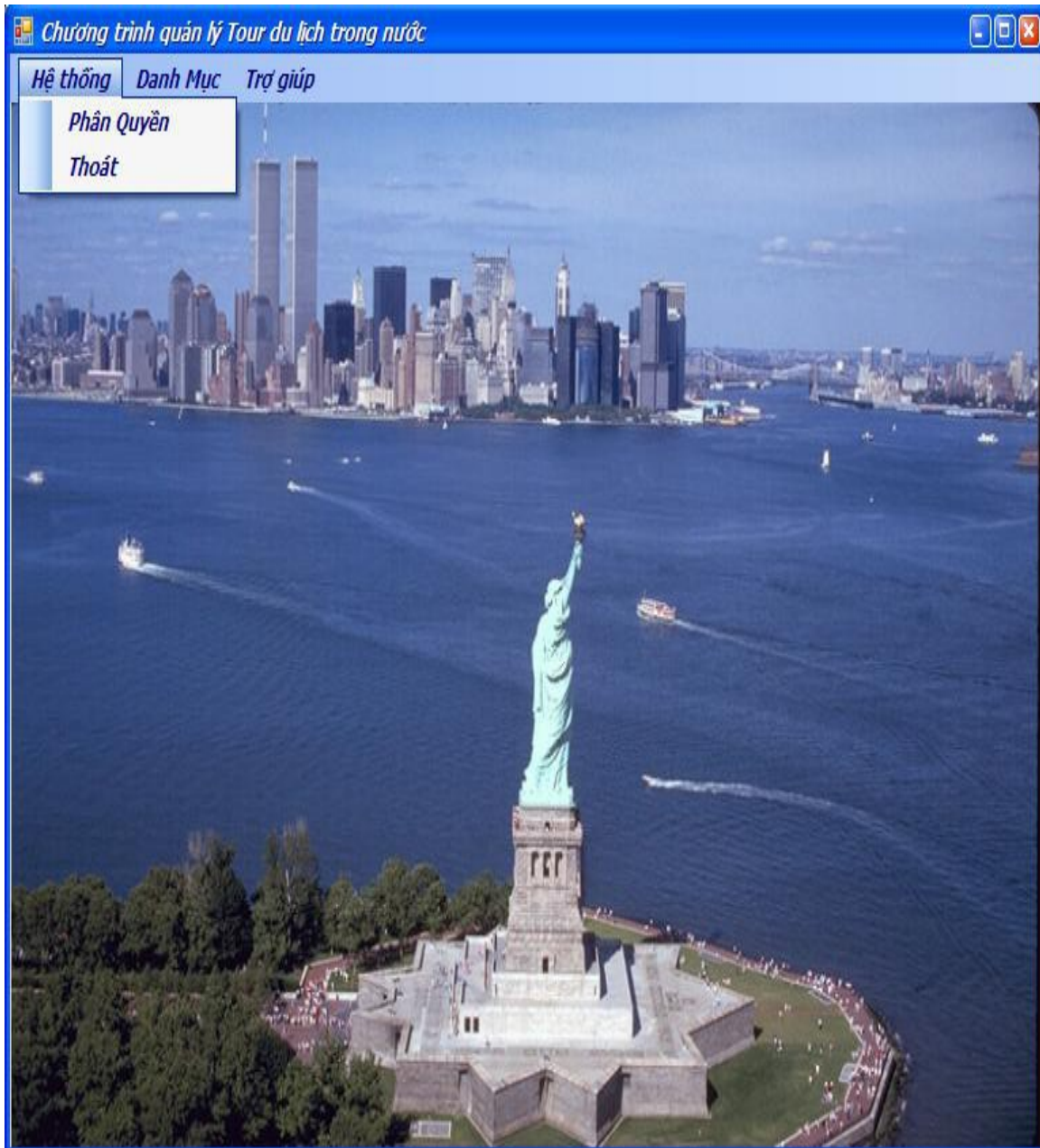
Quản lý tour du lịch trong nước

1.1 Giao diện chính của chương trình : sau khi đăng nhập chương trình chính có giao diện chính như sau



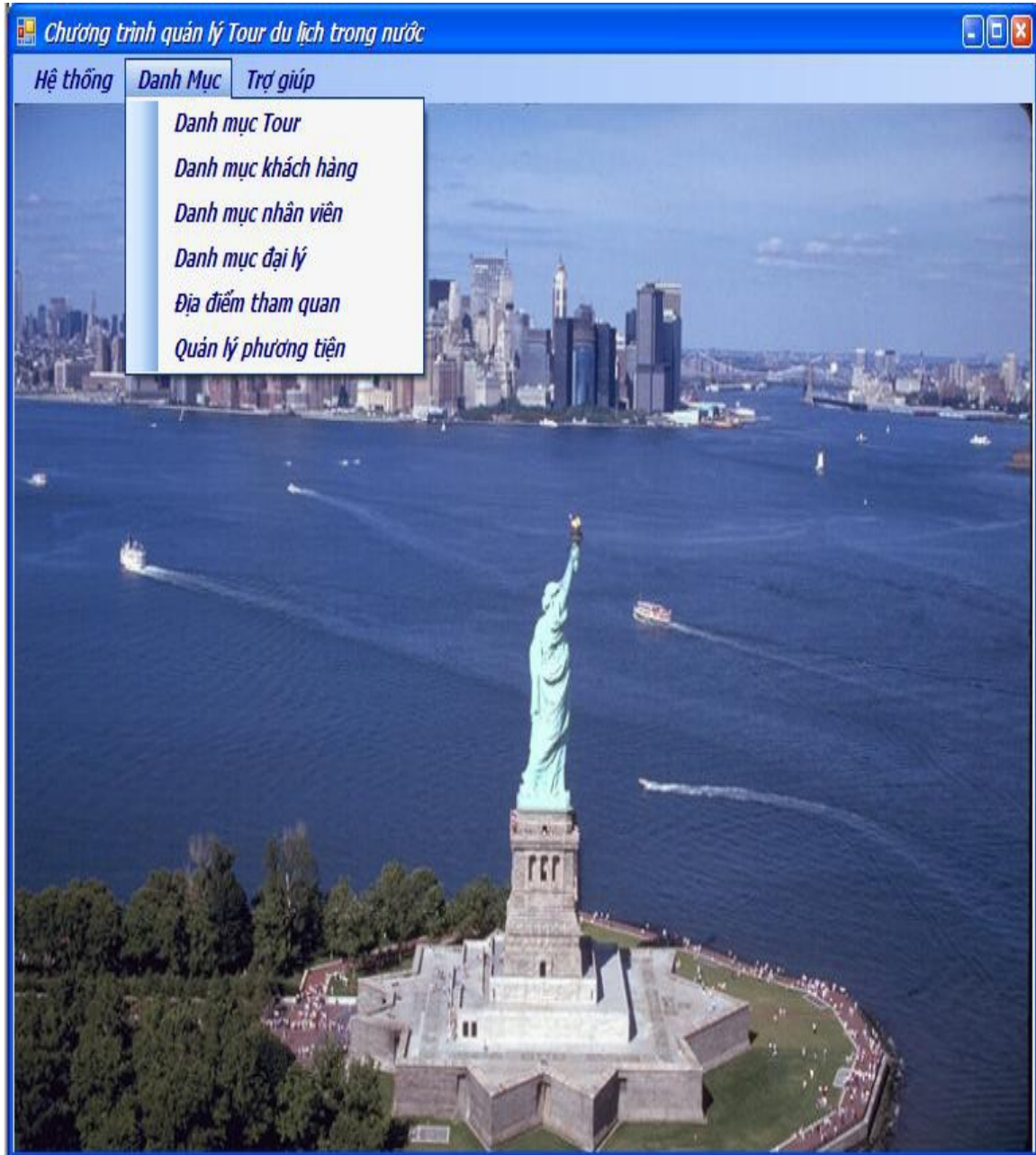
Quản lý tour du lịch trong nước

1.2 Menu hệ thống : gồm hai chức năng phân quyền và thoát . Phần “ phân quyền “ chỉ hiển thị trong tài khoản đăng nhập của người quản trị (Admin) , những nhân viên khác chỉ hiển thị phần “thoát “.



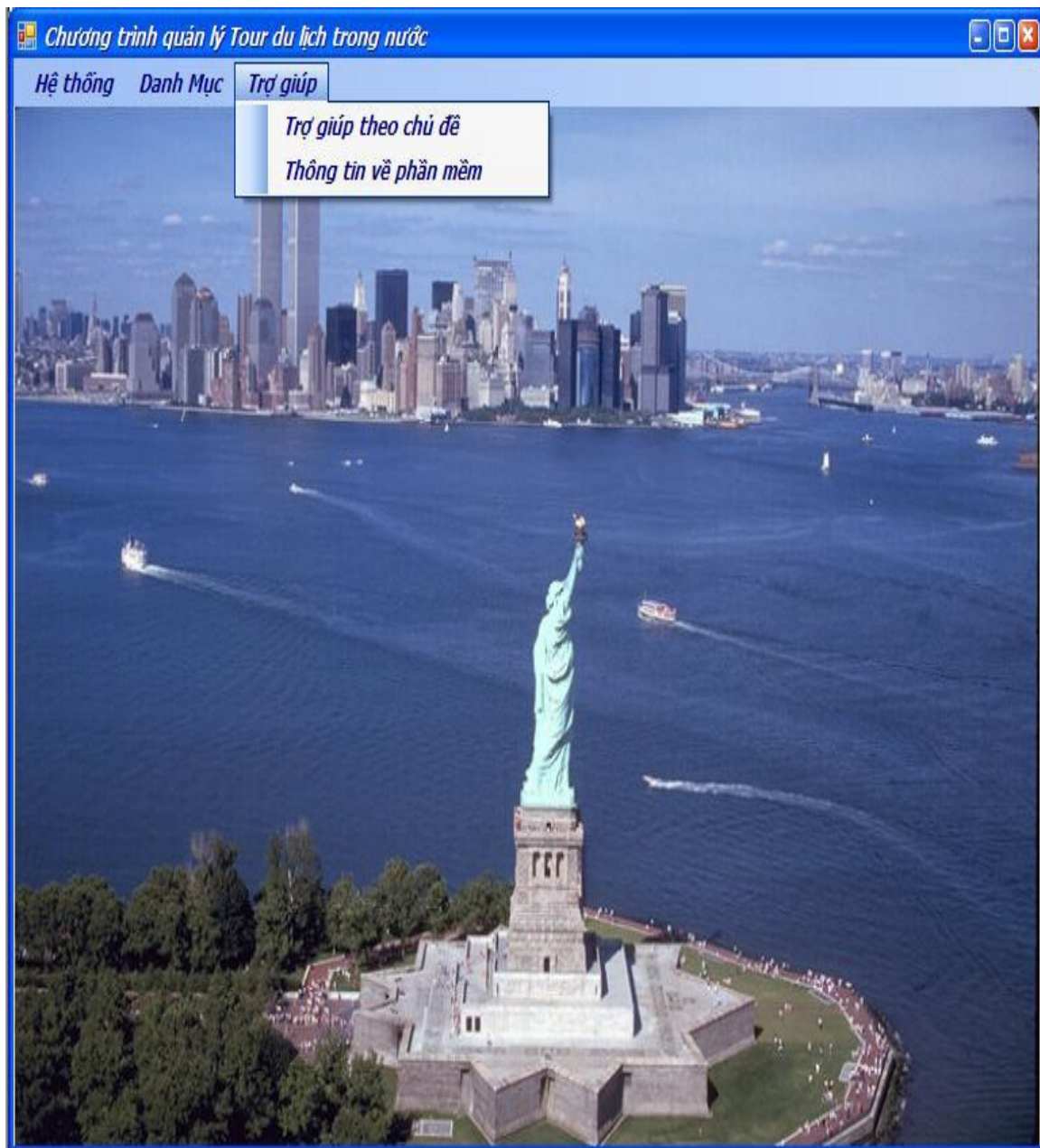
Quản lý tour du lịch trong nước

1.3 Menu Danh Mục : menu danh mục gồm 6 mục cho phép quản lý Tour, khách hàng, nhân viên, đại lý, địa điểm tham quan, phương tiện. Tất cả các người dùng đều thấy menu này.



Quản lý tour du lịch trong nước

1.4 Menu trợ giúp : gồm hai mục trợ giúp theo chủ đề và thông tin về phần mềm . tất cả người dùng đều được sử dụng menu này .

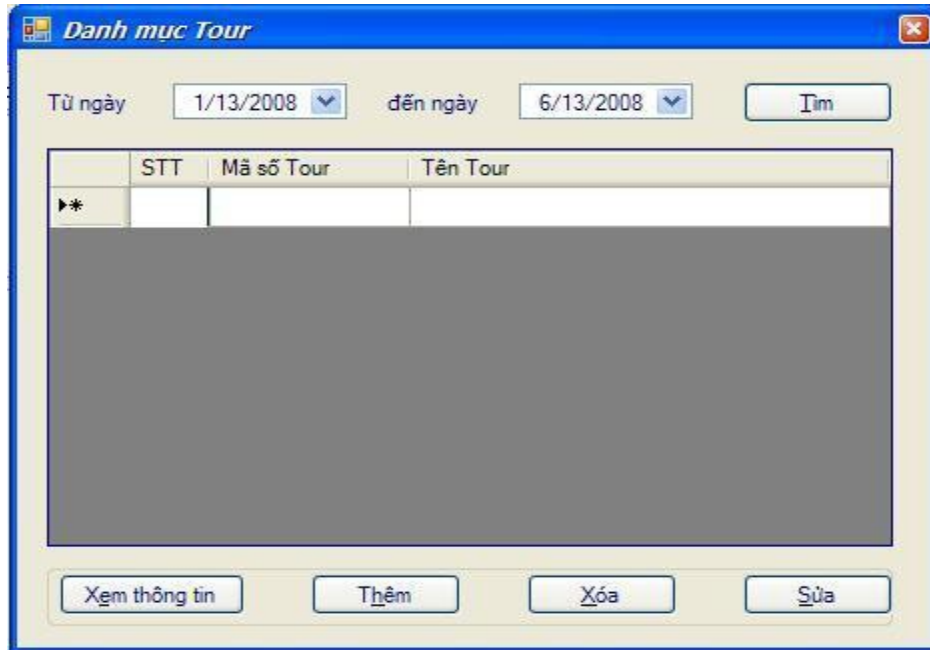


2 . Mô tả Form :

2.1 Form đăng nhập :

Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Máy chủ	Textbox		Nhập từ KB			(local)
Cơ sở dữ liệu	Textbox		Nhập từ KB			QuanLyTourDuLich
Tên đăng nhập	Textbox		Nhập từ KB			Admin
Mật khẩu	Textbox	10 ký tự	Nhập từ KB			
Đồng ý	Command				Dongy_Click()	
Thoát	Command				Thoat_Click()	

2.2 Xem danh sách các Tour :



Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Từ ngày	DateTimePicker	Nhỏ hơn ngày hiện hành		Chọn ngày	ValueChanged()	Ngày hiện tại
Đến ngày	DateTimePicker	Không quá ngày hiện hành		Chọn ngày	ValueChanged()	Ngày hiện tại
Tìm	Command			Tìm Tour trong khoảng thời gian đã chọn	Tim_Click()	

Quản lý tour du lịch trong nước

Xem thông tin	Command			Xem thông tin Tour	Xemthongtin_Click()	
Thêm	Command			Chuyển sang form thêm Tour	Them_Click()	
Xóa	Command			Xóa Tour chọn	Xoa_Click()	
Sửa	Command			Sửa Tour đã chọn	Sua_Click()	

2.3 Thêm Tour:

Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Mã số Tour	Textbox	10 kí tự	Nhập từ KB	Lưu mã số Tour		
Tên Tour	Textbox	30 kí tự	Nhập từ KB	Lưu tên Tour		
Ngày khởi hành	DateTimePicker			Lưu ngày khởi hành	ValueChanged()	Ngày hiện hành
Ngày kết thúc	DateTimePicker			Lưu ngày kết thúc	ValueChanged()	Ngày hiện hành
Giá Tour	Textbox	Thuộc	Nhập từ	Lưu giá Tour		

Quản lý tour du lịch trong nước

		tập N	KB			
Địa điểm Tour	Combo Box		Lấy từ cơ sở dữ liệu	Lấy dữ liệu		
Ghi chú	Textbox	100 kí tự	Nhập từ KB	Lưu dữ liệu xuống Table TOUR		
Đồng ý	Command			Đồng ý lưu lại Tour mới	Dongy_Click()	
Hủy bỏ	Command			Trở về form danh mục Tour	Huybo_Click()	

2.4 Xem chi tiết Tour :

Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Thời gian khởi hành	Textbox		Từ table TOUR	Lấy dữ liệu		Read Only
Thời gian kết thúc	Textbox		Từ table TOUR	Lấy dữ liệu		Read Only

Quản lý tour du lịch trong nước

Hướng dẫn viên du lịch	Textbox		Từ table NHANVIEN	Lấy dữ liệu		Read Only
Phương tiện	Textbox		Từ table PHUONGTIEN	Lấy dữ liệu		Read Only
Giá Tour	Textbox		Từ table TOUR	Lấy dữ liệu		Read Only
Mô tả về tour du lịch	Textbox		Từ table TOUR	Lấy dữ liệu		Read Only
Đăng kí	Command			Chuyển sang form đăng ký Tour	Dangki_Click()	
Trở về	Command			Trở về form danh mục Tour	Trove_Click()	

2.5 cho khách



Đăng kí Tour hàng:

Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Mã khách hàng	Textbox	10 kí tự	Nhập từ KB	Lưu lại mã khách hàng		

Quản lý tour du lịch trong nước

Tên khách hàng	Textbox	30 kí tự	Nhập từ KB	Lưu lại tên khách hàng		
Giới tính	Radio button			Lưu lại giới tính		Nam
Số CMND	Textbox	€ N	Nhập từ KB	Lưu lại số chứng minh nhân dân		
Địa chỉ	Textbox	30 kí tự	Nhập từ KB	Lưu địa chỉ		
Số điện thoại	Textbox	€ N	Nhập từ KB	Lưu số điện thoại		
Mã số Tour	Textbox		Từ table TOUR	Lấy dữ liệu		Read Only
Quốc tịch	Combo Box		Lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu	Lấy dữ liệu		
Đăng kí	Command			Đồng ý lưu lại thông tin khách hàng	Dangki_Click()	
Hủy bỏ	Command			Trở về form danh mục Tour	Huybo_Click()	

2.6 Danh sách đại lý :


The screenshot shows a window titled "Danh sách đại lý" (Agency List). It features search filters for "Miền" (Region) and "Tỉnh" (Province) with dropdown menus and a "Tìm" (Search) button. Below the filters is a table with the following columns: STT, Mã số đại lý, Tên đại lý, Nhân viên quản lý, Địa chỉ, and Số điện thoại. The table currently shows one row with an asterisk (*) in the first column. At the bottom of the window are four buttons: "Thêm" (Add), "Xóa" (Delete), "Sửa" (Edit), and "Đóng" (Close).

Tên	Kiểu đối	Ràng	Dữ	Mục đích	Hàm Liên	Mặc Định
-----	----------	------	----	----------	----------	----------

Quản lý tour du lịch trong nước

đối tượng	tượng	buộc	liệu		Quan	
Miền	Combo Box	3 miền	Mặc định	Thu hẹp số tỉnh		Bắc, Trung, Nam
Tỉnh	Combo Box	64 tỉnh thành	Mặc định	Thu hẹp số đại lý		(Chọn)
Tìm	Command			Tìm đại lý	Tim_Click()	
Thêm	Command			Chuyển sang form thêm đại lý	Them_Click()	
Xoá	Command			Xoá đại lý chọn	Xoa_Click()	
Sửa	Command			Sửa đại lý chọn	Sua_Click()	
Đúng	Command			Thoát khỏi form đại lý	Dong_Click()	

2.7 Thêm mới đại lý :



The screenshot shows a dialog box with the title "Thêm mới đại lý". It contains the following fields and buttons:

- Mã số đại lý:
- Tên đại lý:
- Mã nhân viên quản lý:
- Số điện thoại:
- Tỉnh:
- Địa chỉ:
- Buttons: and

Quản lý tour du lịch trong nước

Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Mã số đại lý	Textbox	10 kí tự	Nhập từ KB	Lưu mã số đại lý mới		
Tên đại lý	Textbox	30 kí tự	Nhập từ KB	Lưu tên đại lý mới		
Mã nhân viên quản lý	Textbox	10 kí tự	Nhập từ KB	Lưu mã nhân viên quản lý		
Số điện thoại	Textbox	10 kí tự thuộc N	Nhập từ KB	Lưu số điện thoại đại lý mới		
Tỉnh	Textbox	20 kí tự	Nhập từ KB	Chọn Tỉnh		
Địa chỉ	Textbox	30 kí tự	Nhập từ KB	Lưu lại địa chỉ đại lý mới		
Lưu	Command			Lưu lại đại lý mới	Luu_Click()	
Hủy bỏ	Command			Trở về form danh sách đại lý	Huybo_Click()	

2.8 Danh sách khách hàng :



The screenshot shows a Windows application window titled "Khách hàng" (Customer). The window contains several input fields for customer information:

- Mã khách hàng (Customer ID): A dropdown menu.
- Tên khách hàng (Customer Name): A text box.
- Giới tính (Gender): A text box.
- Số CMND (ID Number): A text box.
- Địa chỉ (Address): A text box.
- Số điện thoại (Phone Number): A text box.

At the bottom of the window, there are three buttons: "Thêm" (Add), "Xóa" (Delete), and "Sửa" (Edit).

Quản lý tour du lịch trong nước

Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Mã khách hàng	10 kí tự		Lấy từ table KHACHHANG	Lấy dữ liệu		
Tên khách hàng	30 kí tự		Lấy từ table KHACHHANG	Lấy dữ liệu		
Giới tính	5 kí tự		Lấy từ table KHACHHANG	Lấy dữ liệu		
Số CMND	10 kí tự		Lấy từ table KHACHHANG	Lấy dữ liệu		
Địa chỉ	30 kí tự		Lấy từ table KHACHHANG	Lấy dữ liệu		
Số điện thoại	10 kí tự		Lấy từ table KHACHHANG	Lấy dữ liệu		
Thêm	Command			Chuyển qua form đăng kí Tour	Them_Click()	
Xóa	Command			Xóa khách hàng chọn	Xoa_Click()	
Sửa	Command			Sửa khách hàng chọn	Sua_Click()	

2.9 nhân viên :

The screenshot shows a window titled "Nhân viên" with a close button in the top right corner. The window contains a form with the following fields and controls:

- Mã nhân viên: A text box with a dropdown arrow on the right.
- Tên nhân viên: A text box.
- Ngày sinh: A text box.
- Giới tính: A text box.
- Địa chỉ: A text box.
- Số điện thoại liên lạc: A text box.
- At the bottom, there are three buttons: "Thêm", "Xóa", and "Sửa".

Danh sách

Quản lý tour du lịch trong nước

Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Mó nhân viên	Comombo box	10 kí tự	Từ table NHANVIEN	Lấy dữ liệu		
Tên nhân viên	Textbox	30 kí tự	Từ table NHANVIEN	Lấy dữ liệu		
Ngày sinh	Textbox	Nhỏ hơn ngày hiện hành	Từ table NHANVIEN	Lấy dữ liệu		
Giới tính	Textbox		Từ table NHANVIEN	Lấy dữ liệu		
Địa chỉ	Textbox	30 kí tự	Từ table NHANVIEN	Lấy dữ liệu		
Số điện thoại liên lạc	Textbox	10 kí tự	Từ table NHANVIEN	Lấy dữ liệu		
Thêm	Command				Them_Click()	
Xoá	Command				Xoa_Click()	
Sửa	Command				Sua_Click()	

Thêm mới nhân viên

Mã nhân viên

Tên nhân viên

Ngày sinh

Giới tính

Địa chỉ

Số điện thoại liên lạc

Chức vụ

2.10 Thêm

nhân viên :

Quản lý tour du lịch trong nước

Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Mó nhân viên	Textbox	10 kí tự	Nhập từ KB	Lưu dữ liệu		
Tên nhân viên	Textbox	30 kí tự	Nhập từ KB	Lưu dữ liệu		
Ngày sinh	Textbox	Nhỏ hơn ngày hiện hành	Nhập từ KB	Lưu dữ liệu		
Giới tính	Textbox		Nhập từ KB	Lưu dữ liệu		
Địa chỉ	Textbox	30 kí tự	Nhập từ KB	Lưu dữ liệu		
Số điện thoại liên lạc	Textbox	10 kí tự	Nhập từ KB	Lưu dữ liệu		
Chức vụ	Combo Box			Chọn từ table chức vụ		
Thêm	Command			Chuyển sang form loại nhân viên	Them_Click()	
Xoá	Command			Xoá nhân viên chọn	Xoa_Click()	
Sửa	Command			Sửa nhân viên	Sua_Click()	

Quản lý tour du lịch trong nước

				chọn		
--	--	--	--	------	--	--

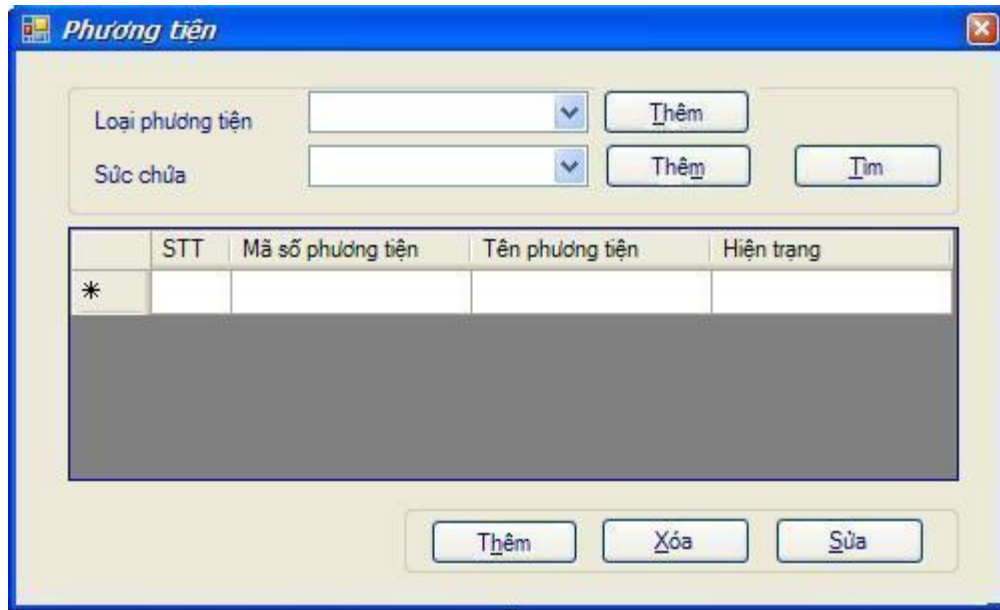
2.11 Thêm chức vụ :



The image shows a Windows-style dialog box with a blue title bar containing the text 'Loại Nhân Viên'. Inside the dialog, there are two text input fields. The first is labeled 'Mã chức vụ' and the second is labeled 'Tên chức vụ'. At the bottom of the dialog, there are two buttons: 'Lưu' (Save) and 'Hủy bỏ' (Cancel).

Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Mã chức vụ	Textbox	10 kí tự	Nhập từ KB	Lưu lại mã chức vụ		
Tên chức vụ	Textbox	30 kí tự	Nhập từ KB	Lưu tên chức vụ		
Lưu	Command			Lưu lại chức vụ mới	Luu_Click()	
Hủy bỏ	Command			Trở về form thêm nhân viên	Huybo_Click()	

2.12 Danh sách phương tiện :



Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Loại phương tiện	Combo box	4 loại	Lấy từ table PHUONGT IEN	Lấy dữ liệu		Máy bay, xe lửa, ô tô
Sức chứa	Combo box		Lấy từ table PHUONGT IEN	Lấy dữ liệu		
Thêm	Command			Chuyển sang form thêm loại phương tiện	Themlpt_Click()	
Thêm	Command			Lưu lại sức	Themsc_Click()	

Quản lý tour du lịch trong nước

				chứa		
Tìm	Command			Tìm danh sách phương tiện	Tim_Click()	
Thêm	Command			Chuyển sang form thêm phương tiện	Thempt_Click()	
Xoá	Command			Xoá phương tiện chọn	Xoa_Click()	
Sửa	Command			Sửa phương tiện chọn	Sua_Click()	

2.13 Thêm loại phương tiện :



Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Loại phương tiện	Textbox	4 loại	Nhập từ KB	Lưu loại phương tiện mới		Máy bay, xe lửa, ô tô
Sức chứa	Combo Box		Lấy từ cơ sở dữ liệu	Lấy dữ liệu		0
Lưu	Command			Đồng ý lưu loại phương tiện	Luu_Click()	
Hủy bỏ	Command			Trở về form phương tiện	HuyBo_Click()	

2.14 Thêm phương tiện :



The image shows a Windows-style dialog box with a blue title bar containing the text "Thêm phương tiện" and standard window control buttons (minimize, maximize, close). The main area is light gray and contains four input fields arranged vertically. The first is a text box labeled "Mã phương tiện". The second is a text box labeled "Tên phương tiện". The third is a dropdown menu labeled "Loại phương tiện" with a downward arrow. The fourth is a dropdown menu labeled "Sức chứa" with a downward arrow. At the bottom of the dialog, there are two buttons: "Lưu" (Save) and "Hủy bỏ" (Cancel).

Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Mã phương	Textbox	10 kí tự	Nhập từ KB	Lưu lại mã phương tiện		

Quản lý tour du lịch trong nước

tiện						
Tên phương tiện	Textbox	10 kí tự	Nhập từ KB	Lưu lại tên phương tiện		
Loại phương tiện	Combo Box	4 loại	Lấy từ cơ sở dữ liệu	Lấy dữ liệu		Máy bay, xe lửa, ô tô
Sức chứa	Combo Box		Lấy từ cơ sở dữ liệu	Lấy dữ liệu		0
Lưu	Command			Đồng ý lưu phương tiện mới	Luu_Click()	
Hủy bỏ	Command			Hủy bỏ trở về form phương tiện	HuyBo_Click()	

2.15 Địa điểm tham quan :

The screenshot shows a window titled "Địa điểm tham quan" with a search bar containing "Miền" and "Tỉnh" dropdowns and a "Tìm" button. Below the search bar is a table with the following columns: STT, Mã số địa điểm, Tên địa điểm, and Địa chỉ. The first row of the table has an asterisk (*) in the STT column. At the bottom of the window are three buttons: "Thêm", "Xóa", and "Sửa".

Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
---------------	----------------	-----------	---------	----------	---------------	----------

Quản lý tour du lịch trong nước

Miền	Combo box	3 miền	Lấy từ cơ sở dữ liệu	Thu hẹp số tỉnh		Bắc, trung, nam
Tỉnh	Combo Box	64 tỉnh thành	Lấy từ cơ sở dữ liệu	Thu hẹp số địa điểm tham quan		
Tìm	Command			Tìm địa điểm tham quan	Tim_Click()	
Thêm	Command			Chuyển sang form thêm địa điểm tham quan	Them_Click()	
Xoá	Command			Xoá địa điểm chọn	Xoa_Click()	
Sửa	Command			Sửa địa điểm chọn	Sua_Click()	

2.16 Thêm địa điểm tham quan :



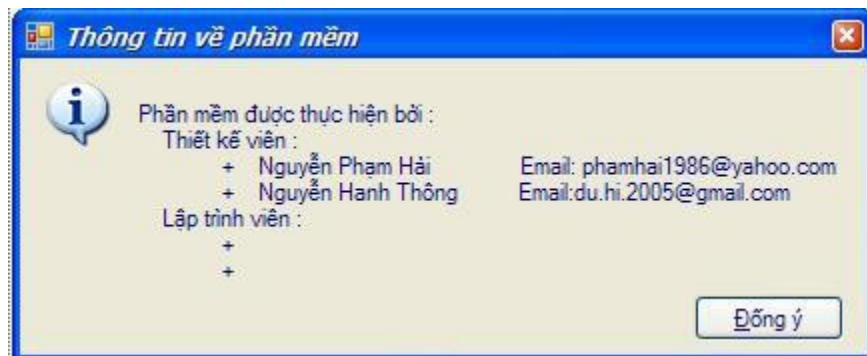
The screenshot shows a dialog box with the following fields and controls:

- Miền: Dropdown menu
- Tỉnh: Dropdown menu
- Mã số địa điểm: Text input field
- Tên địa điểm: Text input field
- Địa chỉ: Text input field
- Đồng ý: OK button
- Hủy: Cancel button

Quản lý tour du lịch trong nước

Tên đối tượng	Kiểu đối tượng	Ràng buộc	Dữ liệu	Mục đích	Hàm Liên Quan	Mặc Định
Miền	Combo box	3 miền	Lấy từ cơ sở dữ liệu	Lấy dữ liệu		Bắc, trung, nam
Tỉnh	Combo Box	64 tỉnh thành	Lấy từ cơ sở dữ liệu	Lấy dữ liệu		
Mã số địa điểm	Textbox	10 ký tự	Nhập từ KB	Lưu mã số địa điểm		
Tên địa điểm	Textbox	30 ký tự	Nhập từ KB	Lưu tên địa điểm		
Địa chỉ	Textbox	30 ký tự	Nhập từ KB	Lưu địa chỉ		
Đồng ý	Command			Đồng ý lưu địa điểm tham quan	Dongy_Click()	
Hủy	Command			Trở về địa điểm tham quan	Huy_Click()	

2.17 Thông tin về phần mềm :

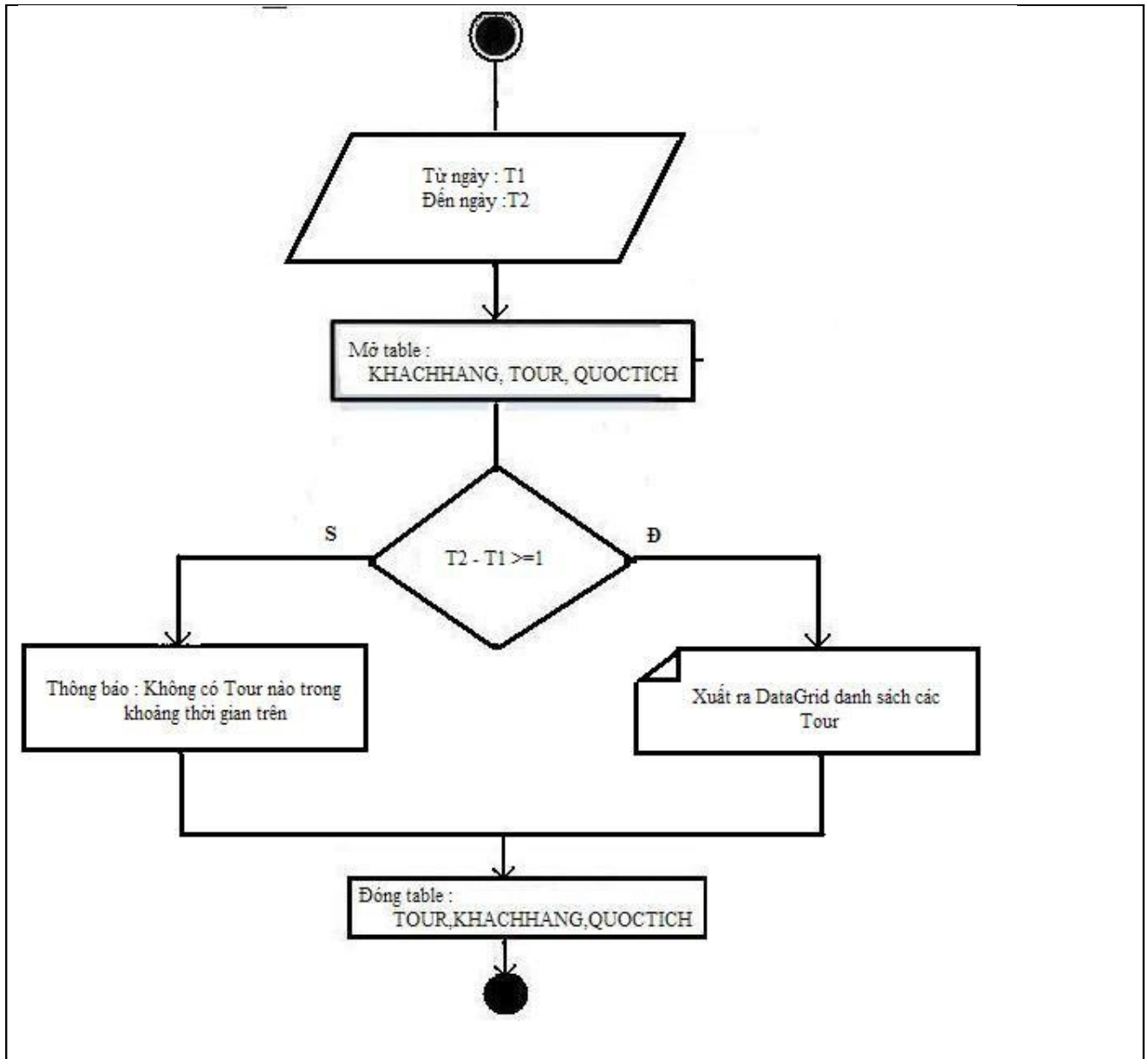


V. Thiết kế ô xử lý :

1. Ô xử lý tìm của form *Danh mục Tour*

Tên xử lý	: Tìm
Form	: DANH MỤC TOUR
Input	: Từ ngày, đến ngày
Output	: xuất ra danh sách Tour thỏa điều kiện
Table liên quan	: KHACHHANG, TOUR, QUOCTICH

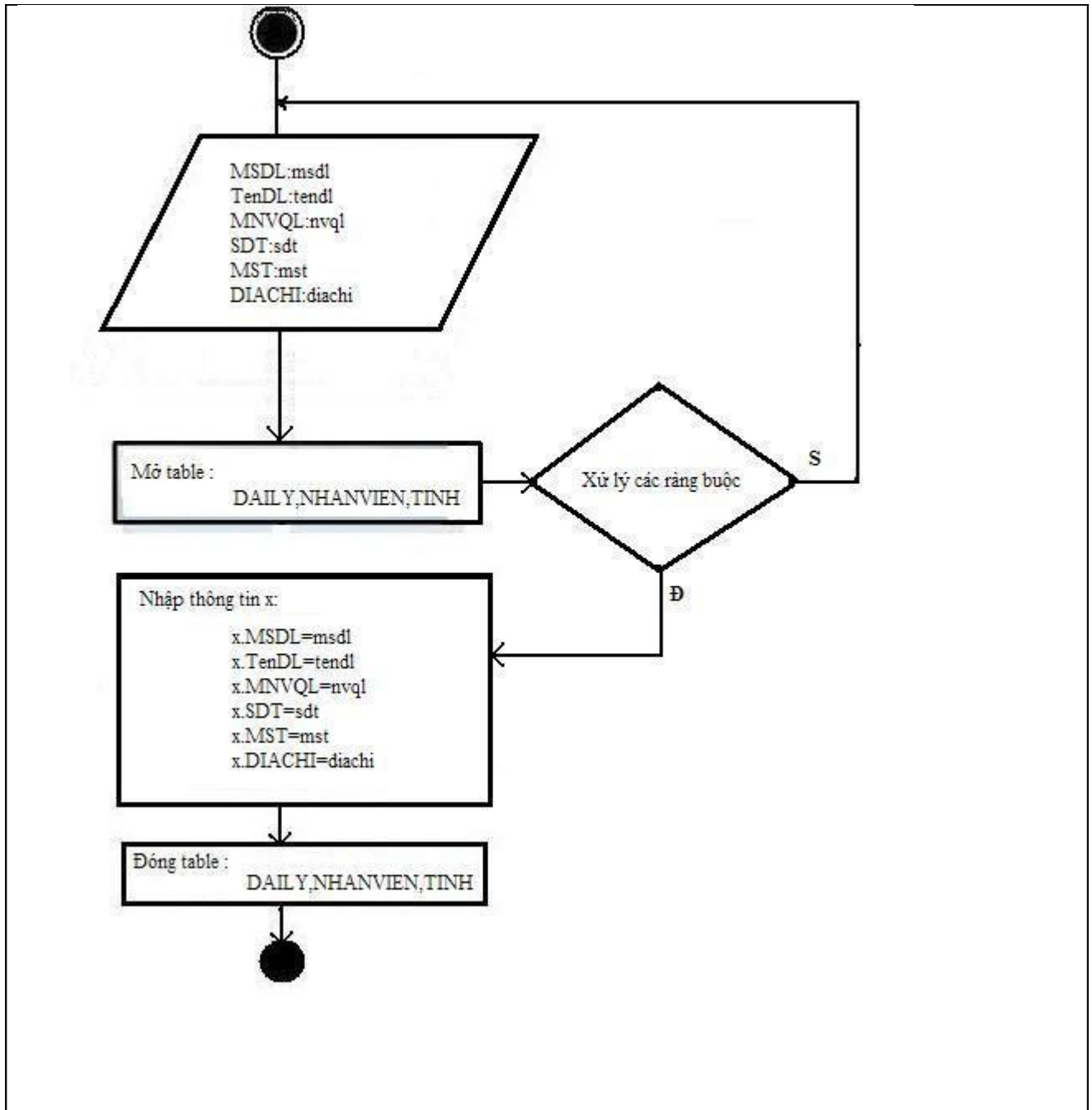
Quản lý tour du lịch trong nước



2. Ô xử lý lưu của form thêm mới đại lý :

Tên xử lý	: Lưu
Form	:THÊM MỚI ĐẠI LÝ
Input	: MSDL,TenDL,MNVQL,SDT,MST,DIACHI
Output	: Thông báo đã thêm thành công vào cơ sở dữ liệu
Table liên quan	: DAILY,NHANVIEN,TINH

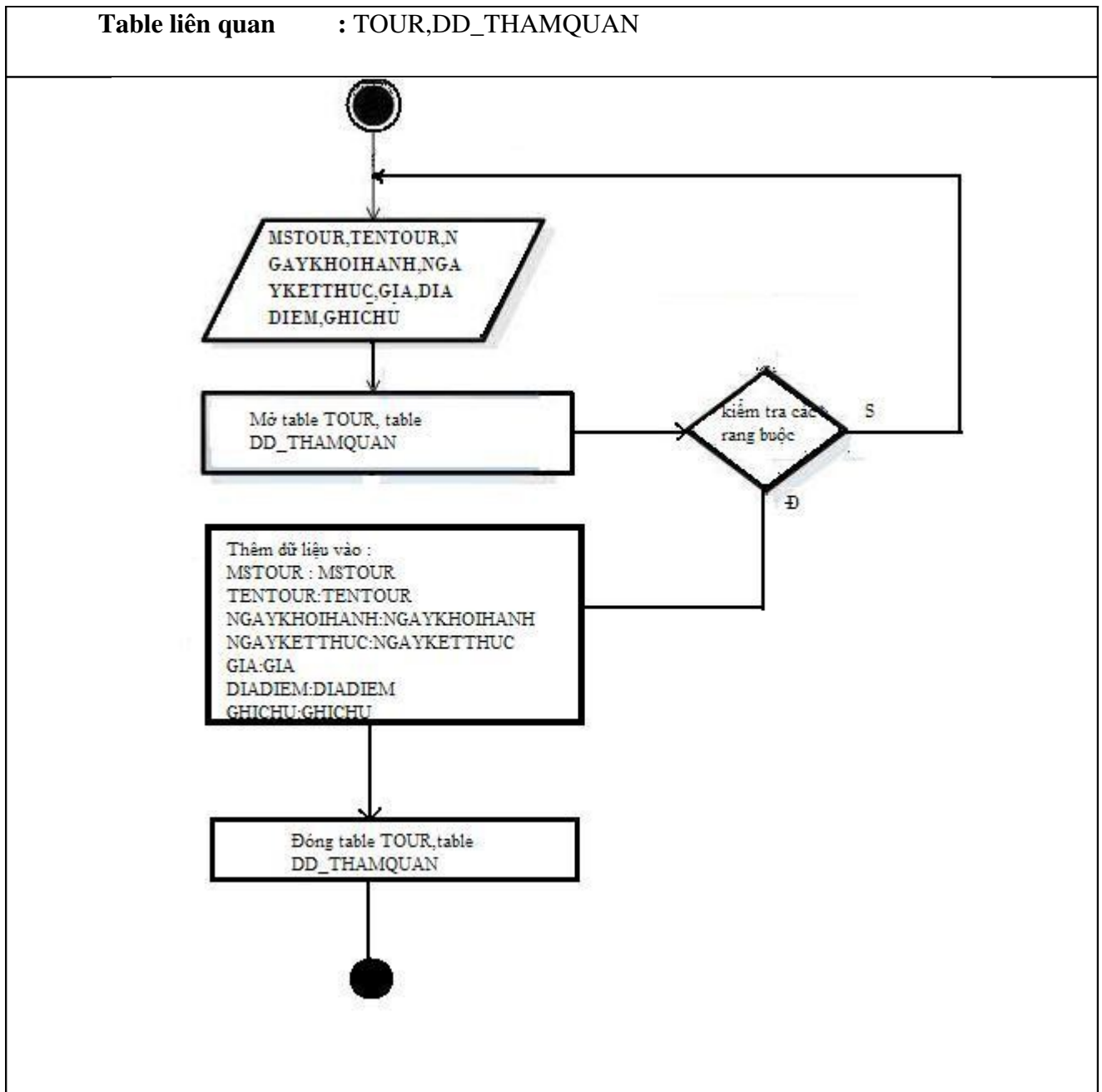
Quản lý tour du lịch trong nước



3. Ô xử lý thêm của form danh mục Tour

Tên xử lý	: Thêm
Form	: Danh mục Tour
Input	: MSTOUR, TenTOUR, NGÀYKHOIHANH, NGÀYKETTHUC, GIA, DIADIEM, GHICHU
Output	: thông báo đã thêm thành công

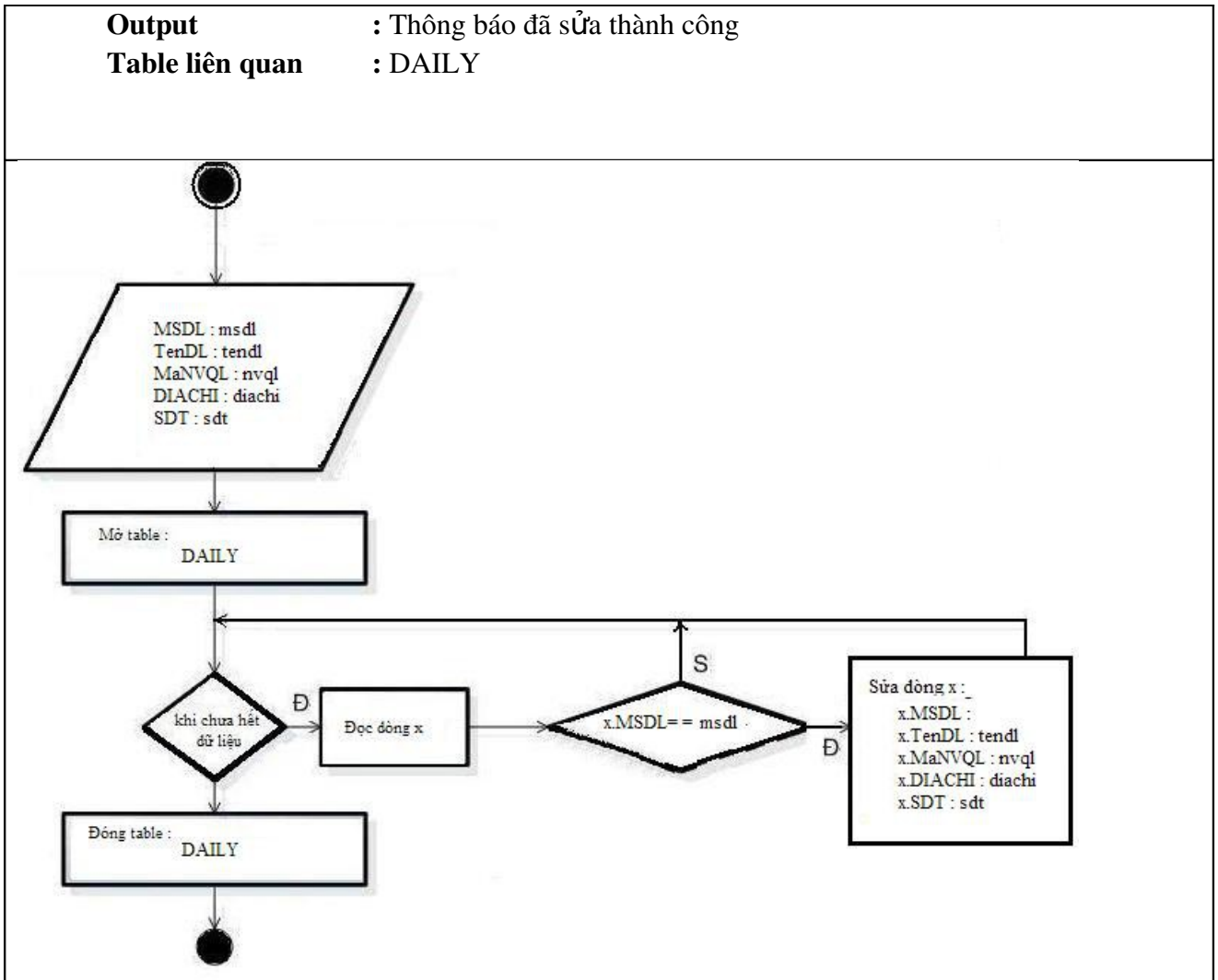
Quản lý tour du lịch trong nước



4. Ô xử lý sửa của form Danh sách đại lý :

Tên xử lý	: Sửa
Form	: DANH SÁCH ĐẠI LÝ
Input	: MSDL, TênDL, MaNVQL, DIACHI, SDT

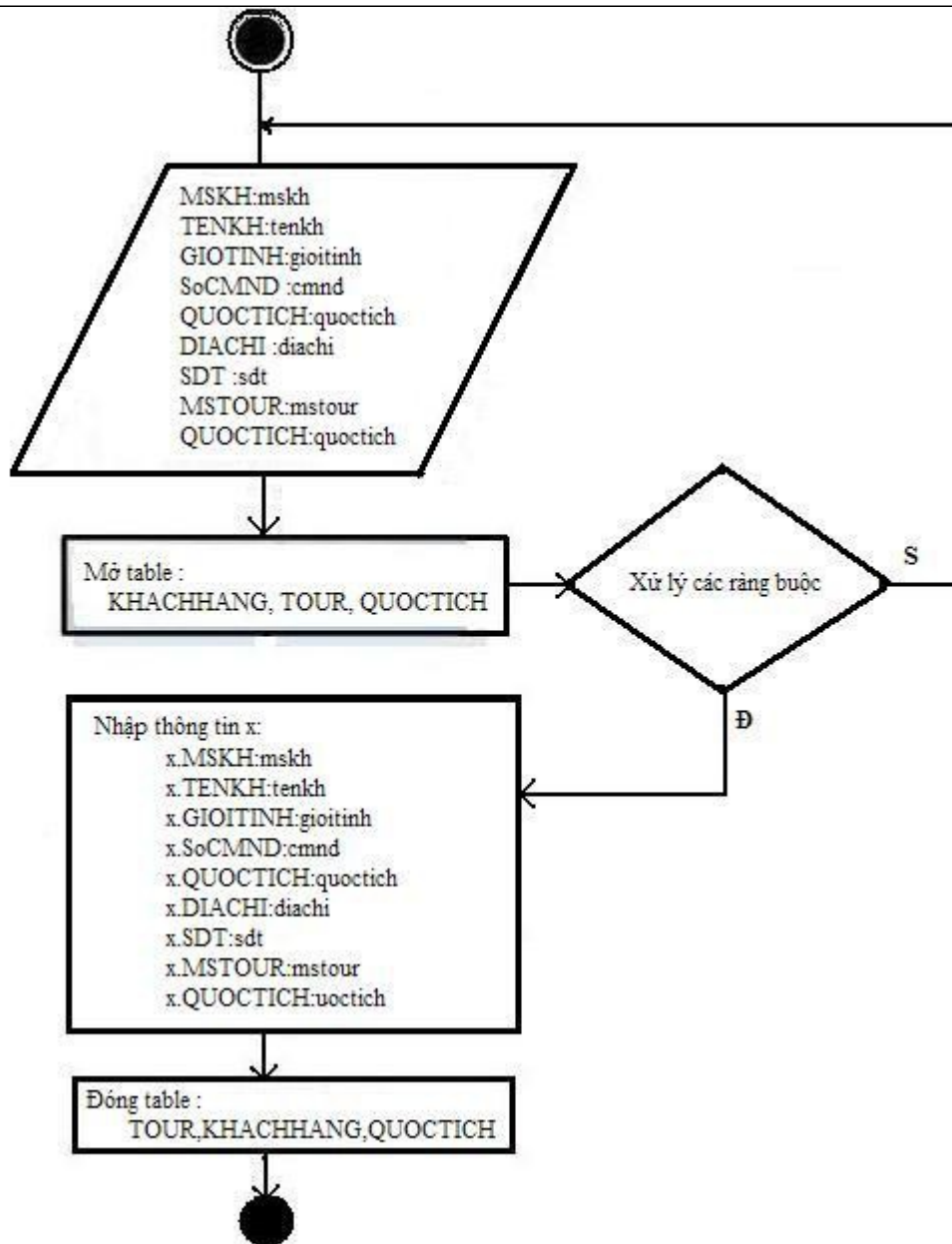
Quản lý tour du lịch trong nước



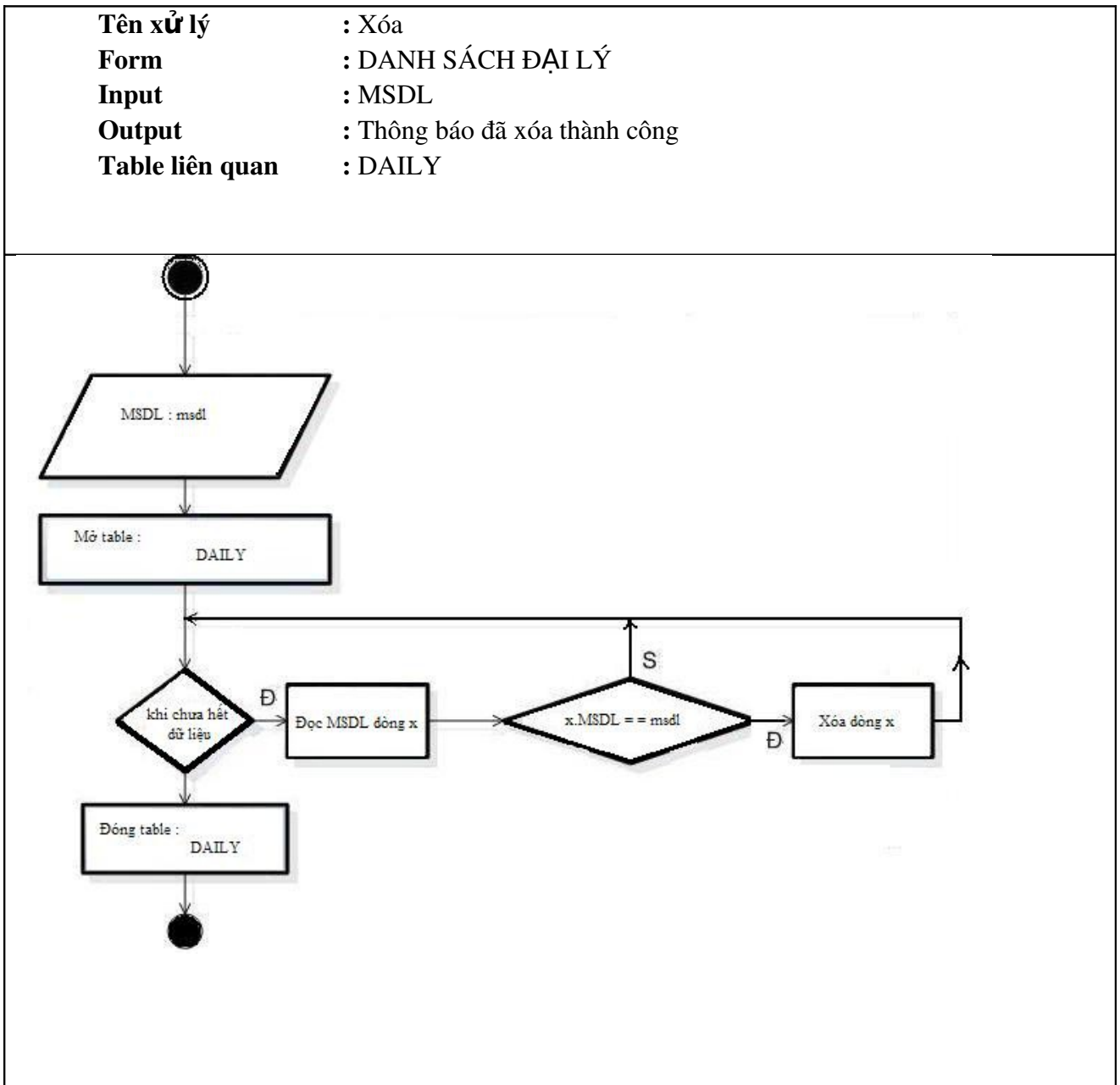
5. Ô xử lý Đăng kí của form Đăng kí Tour :

Quản lý tour du lịch trong nước

Tên xử lý	: Đăng kí
Form	: ĐĂNG KÍ TOUR
Input	:MSKH,TENKH,GIOITINH,SoCMND,QUOCTICH,DIACHI,SDT, MSTOUR,QUOCTICH
Output	: Thông báo đã thêm thành công vào cơ sở dữ liệu
Table liên quan	: KHACHHANG,TOUR,QUOCTICH

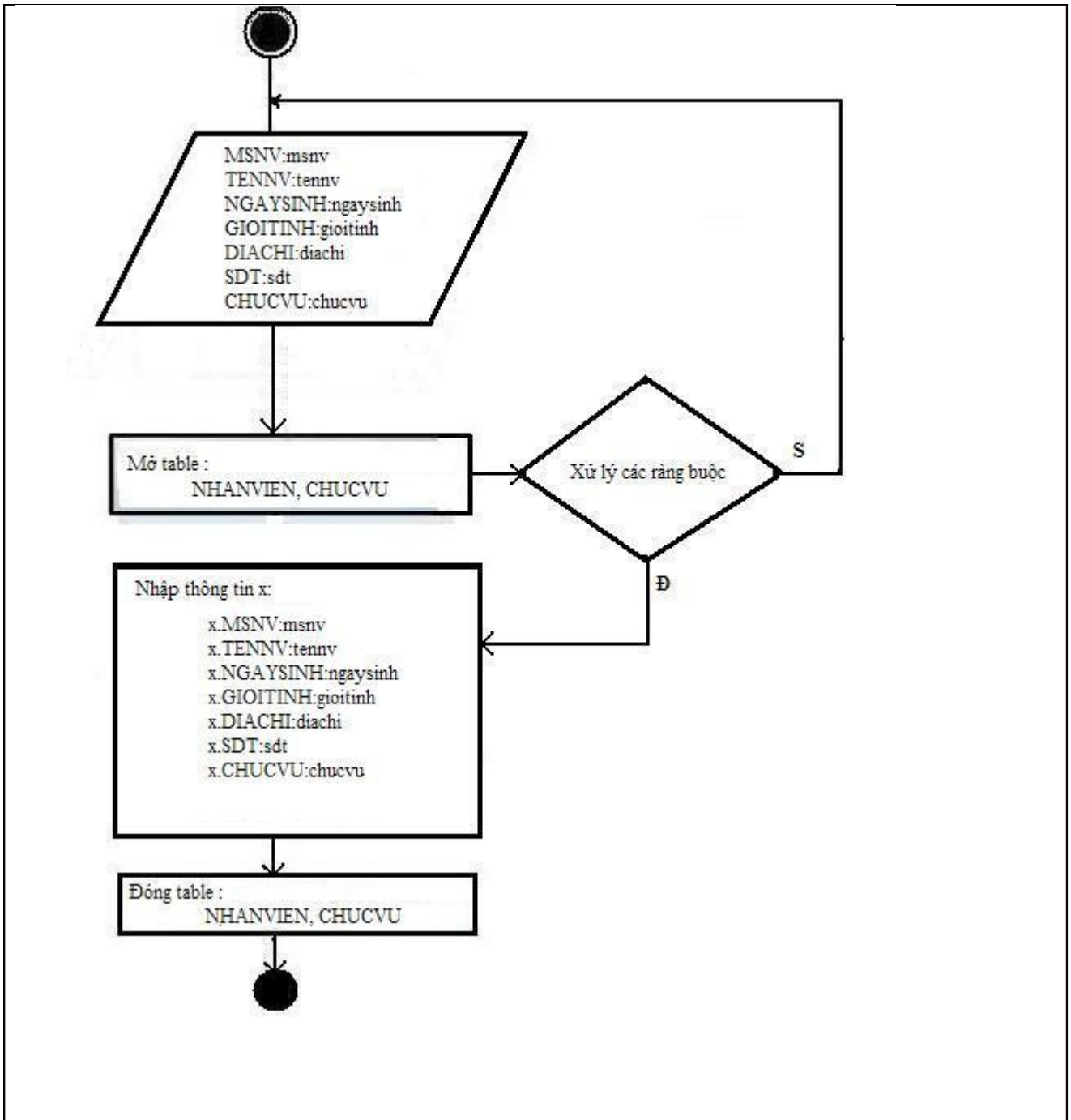


6. Ô xử lý xóa của form *Danh sách đại lý* :



7. Ô xử lý thêm của form thêm mới nhân viên

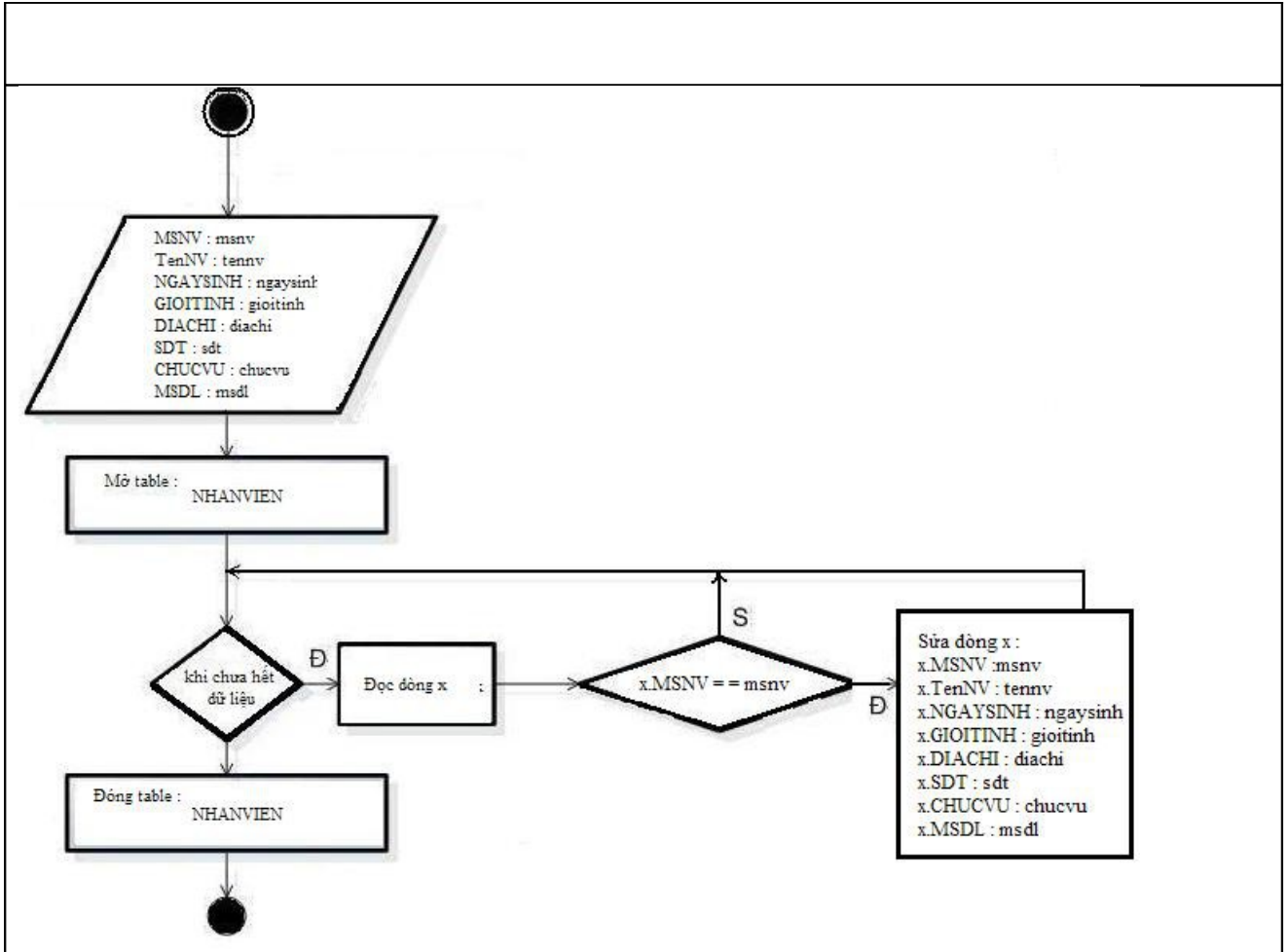
Tên xử lý	: Thêm
Form	: THÊM MỚI NHÂN VIÊN
Input	: MSNV, TENNV, NGAYSINH, GIOITINH, DIACHI, SDT, CHUCVU
Output	: Thông báo đã thêm thành công vào cơ sở dữ liệu
Table liên quan	: NHANVIEN, CHUCVU



8. Ô xử lý sửa của form Danh sách nhân viên :

Tên xử lý	: Sửa
Form	: DANH SÁCH NHÂN VIÊN
Input	: MSNV, TenNV, NGAYSINH, GIOITINH, DIACHI, SDT, CHUCVU, MSDL
Output	: Thông báo đã sửa thành công
Table liên quan	: NHANVIEN

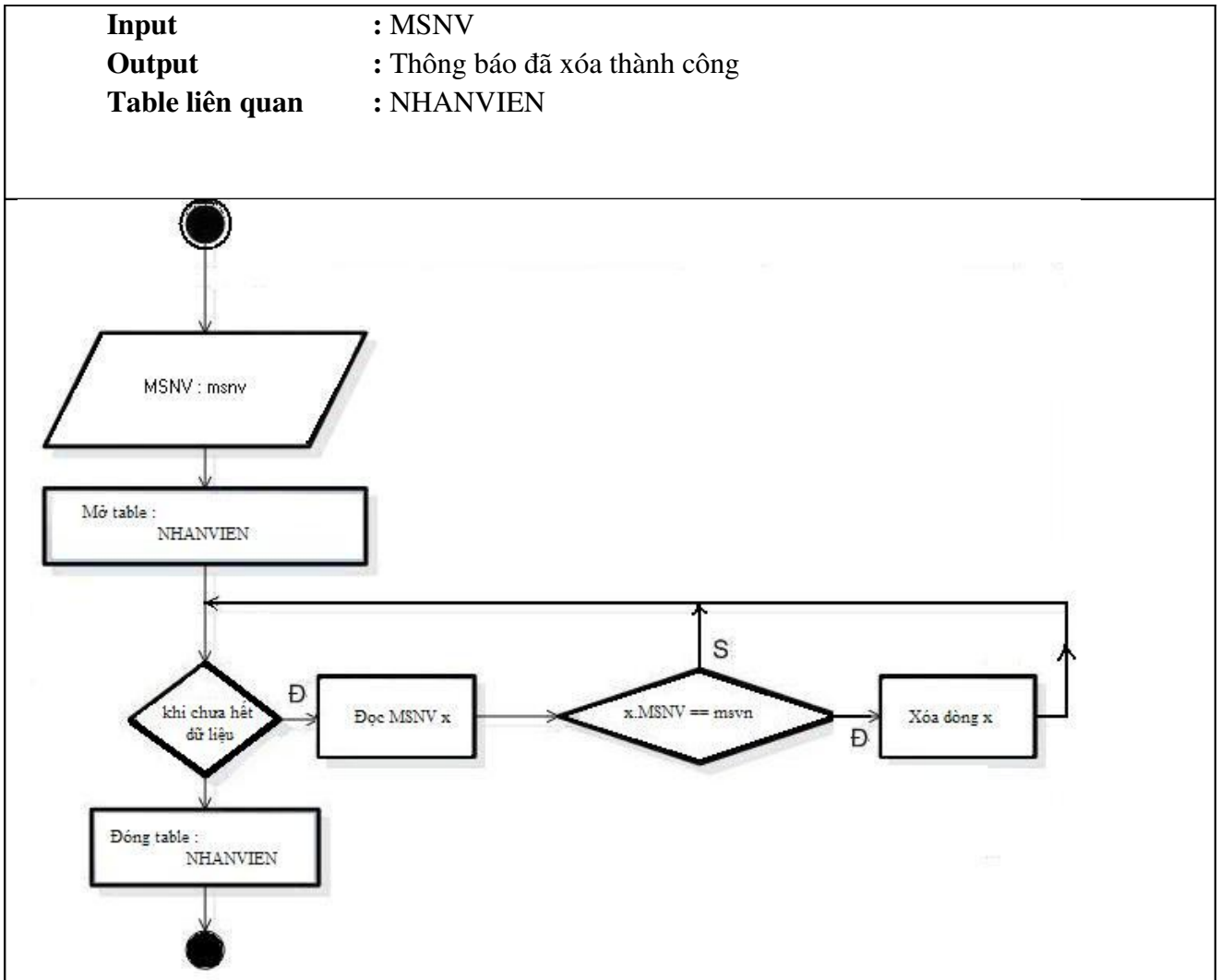
Quản lý tour du lịch trong nước



9. Ô xử lý xóa của form *Danh sách nhân viên* :

Tên xử lý	: Xóa
Form	: DANH SÁCH NHÂN VIÊN

Quản lý tour du lịch trong nước



VI. Đánh giá ưu khuyết điểm :

Quản lý tour du lịch trong nước

1. Ưu điểm :

- + Giao diện đầy đủ.
- + Thể hiện một số chức năng chính thỏa những yêu cầu chính của chương trình .
- + Giải thuật tương đối đầy đủ để có thể phát triển lên phần mềm.

2. Khuyết điểm :

- + Chưa hoàn chỉnh.
- + Giao diện chưa đẹp.
- + Các ô xử lý còn thiếu sót.
- + Chưa linh hoạt để phát triển thêm.
- + Một số chỗ còn chưa rõ ràng.

VII. Phân công :

Toàn bộ các phần phân tích , thiết kế và giải thuật đều do cả hai cùng làm .